

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	<b>CỬ NHÂN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (BACHELOR OF MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS)</b>
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	<b>HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS)</b>
MÃ NGÀNH/CODE:	<b>7340405</b>
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

### 1. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung

CTĐT trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý hướng tới mục tiêu đào tạo cử nhân Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức phù hợp về khoa học xã hội; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hệ thống thông tin, đặc biệt các hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý và quản trị kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng nghiên cứu tự bổ sung kiến thức thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng ứng xử và giao tiếp tốt.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:** Đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Cử nhân ngành HTTTQL có thể làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội từ trung ương đến địa phương, các tổ chức doanh nghiệp với vị trí công việc liên quan đến hệ thống thông tin

tin; có thể đảm đương tốt các vị trí như chuyên gia tư vấn về chuyển đổi số, cán bộ phát triển, khai thác, vận hành và bảo trì hệ thống thông tin. Ngoài ra, cử nhân ngành HTTTQL còn có thể làm việc tại các công ty CNTT, công ty cung cấp dịch vụ thông tin; giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng hoặc nghiên cứu tại các viện, trung tâm nghiên cứu.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

## 2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
<b>Chuẩn đầu ra về kiến thức</b>	<p>Hiểu biết và nhận thức được về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng lãnh hội, tuân thủ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh viên hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các môn học khác và các tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Sinh viên nắm được các kiến thức pháp luật, hiểu rõ được các chủ trương chính sách của Nhà nước.</p> <p>Hiểu các kiến thức về giáo dục thể chất, để chủ động tập luyện nâng cao sức khỏe</p> <p>Hiểu được các kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>	CDR 1
	<p>Hiểu được những kiến thức căn bản về kinh tế như các bộ phận cấu thành của nền kinh tế, cung cầu và sự hình thành giá cả thị trường, vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường... Hiểu được các nguyên tắc vận hành của nền kinh tế, trả lời được các câu hỏi như: Điều gì qui định mức sống và tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia? Các nhân tố nào gây ra lạm phát và thất nghiệp? Tại sao các nền kinh tế thường xuyên biến động? Chính phủ có vai trò gì trong việc khuyến khích tăng trưởng, kiềm chế lạm phát và ổn định thất nghiệp ở mức độ hợp lý? Những thay đổi trong nền kinh tế toàn cầu có ảnh hưởng như thế nào đến thành tựu kinh tế của một quốc gia? Nắm vững kiến thức cơ bản về tin học.</p>	CDR 2
	<p>Hiểu được các kiến thức cơ bản về quản lý và vận hành của các tổ chức, doanh nghiệp.</p>	CDR 3
	<p>Hiểu và ứng dụng được các phương pháp điều tra khảo sát, kỹ thuật phân tích và xử lý dữ liệu thống kê trong kinh tế và kinh doanh.</p>	CDR 4

CDR	Mô tả	Mã CDR
	Hiểu được các kiến thức cơ sở ngành hệ thống thông tin quản lý.	CDR 5
	Hiểu được các kiến thức căn bản về lập trình, cơ sở dữ liệu, hiểu và vận dụng được những nguyên tắc cơ bản của quy trình phát triển phần mềm.	CDR 6
	Hiểu được quy trình phân tích, thiết kế, phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức, doanh nghiệp; làm chủ được quy trình quản trị dự án hệ thống thông tin.	CDR 7
	Hiểu và vận dụng được các kiến thức theo một trong ba định hướng chuyên sâu sau:	
	<i>1. Phát triển, vận hành và bảo trì các HTTTQL</i> Hiểu và vận dụng được phương pháp, quy trình về phát triển, vận hành và bảo trì các HTTTQL ứng dụng cho các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.	CDR 8
	<i>2. Quản trị các nguồn lực HTTT và kiến trúc doanh nghiệp trong nền kinh tế số</i> Hiểu và vận dụng được các kiến thức toàn diện về kiến trúc doanh nghiệp, các cách tiếp cận cũng như các bước của quy trình chuyển đổi số; có kiến thức chuyên sâu về quản trị tri thức, quản trị doanh nghiệp CNTT.	CDR 9
	<i>3. Quản lý và phân tích thông tin kinh tế</i> Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về lập trình phân tích dữ liệu ứng dụng trong kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; biết cách phân tích và giải quyết các vấn đề bằng các công cụ trực quan hóa dữ liệu.	CDR 10
<b>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</b>	Có khả năng lập trình, xây dựng cơ sở dữ liệu và vận dụng được những nguyên tắc cơ bản của quy trình phát triển phần mềm; có khả năng làm chủ các công nghệ, kỹ thuật để phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin phục vụ các hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng khai thác các phần mềm chuyên dụng để phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin hỗ trợ quá trình ra quyết định; có khả năng quản trị các dự án về hệ thống thông tin.	CDR 11
	Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp theo một trong ba định hướng chuyên sâu sau:	
	1. Có khả năng áp dụng các kiến thức chuyên sâu về phát triển, vận hành và bảo trì các HTTTQL ứng dụng cho các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có khả năng xử lý các tình huống, các vấn đề phát sinh trong quá	CDR 12

<b>CDR</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mã CDR</b>
	trình quản trị các hệ thống thông tin quản lý.	
	2. Có khả năng phân tích, lập kế hoạch, tư vấn và hỗ trợ quá trình triển khai chuyển đổi số của doanh nghiệp, đảm bảo chiến lược phát triển hạ tầng CNTT luôn gắn liền với chiến lược kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra; có khả năng thực hiện các dự án về quản trị các nguồn lực HTTT tại các tổ chức, doanh nghiệp.	CĐR 13
	3. Có khả năng làm chủ các ngôn ngữ lập trình, công cụ phân tích dữ liệu nhằm giải quyết các bài toán cụ thể trong kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ trực quan hóa dữ liệu nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định của các nhà quản lý trong các tổ chức, doanh nghiệp.	CĐR 14
	Có khả năng tư duy hệ thống và mô hình hóa; có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực công việc; có khả năng phối hợp và làm việc nhóm với nhiều đối tượng khác nhau trong quá trình phát triển hệ thống thông tin quản lý (khách hàng, cán bộ nghiệp vụ và đồng nghiệp). Sinh viên có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề một cách có hệ thống.	CĐR 15
	Có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới kế hoạch, chiến lược và thực thi các hoạt động được giao; có kỹ năng giao tiếp trên môi trường mạng.	CĐR 16
<b>CĐR Ngoại ngữ</b>	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; sử dụng được tiếng Anh để đọc hiểu tài liệu chuyên môn.	CĐR 17
<b>Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>	Có chính kiến và nhận thức chính trị vững vàng. Tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương và các quy định của luật pháp. Có sức khỏe và có đủ năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ và có khả năng trở thành công dân toàn cầu.	CĐR 18
	Có tinh thần và nhận thức đúng đắn về trách nhiệm trong thực thi công việc, có đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực HTTTQL. Có ý thức thực thi đầy đủ trách nhiệm công dân và trách nhiệm được giao phó trong mỗi nhiệm vụ được giao.	CĐR 19

### 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 128 tín chỉ

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

### 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

#### 7.1. Cấu trúc cơ bản

**Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT**

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>84</b>	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	<b>15</b>	5 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	<b>41</b>	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	26	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	<b>18</b>	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	<b>10</b>	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>128</b>	Không kể GDQP & AN và GDTC

#### 7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

**Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)</b>		<b>Mã HP</b>	<b>Số TC</b>	<b>Học kỳ (dự kiến)</b>	<b>Mã HP tiên quyết</b>
	<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>128</b>		
	<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>44</b>		
	<b>1.1. Các học phần chung</b>			<b>20</b>		
<b>1</b>	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
<b>2</b>	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
<b>3</b>	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
<b>4</b>	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
<b>5</b>	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
<b>6</b>	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
	<b>1.2. Các học phần của Trường</b>			<b>12</b>		
<b>7</b>	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
<b>8</b>	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
<b>9</b>	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
<b>10</b>	4	Tin học đại cương Basic Informatics	TIKT1109	3	I	
	<b>1.3. Các học phần của ngành</b>			<b>12</b>		
<b>11</b>	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and bussiness	TKKD1129	3	II	
<b>12</b>	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
<b>13</b>	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	IV	
<b>14</b>	4	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT1102	3	III	
	<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>84</b>		
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>15</b>		
<b>15</b>	1	Kinh tế nguồn nhân lực Human resource economics	NLKT1117	3	V	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
16	2	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	IV	
17	3	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường Economic Management and Market Economy	QLKT1112	3	V	QLKT1101
18	4	Quản trị các nguồn lực thông tin Information Resources Managements	TIKT1137	3	IV	
19	5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Data Structures and Algorithms	TIHT1101	3	III	CNTT1128
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>41</b>		
<b>2.2.1 Các học phần bắt buộc</b>				<b>26</b>		
20	1	Cơ sở lập trình Basic Programming	CNTT1128	3	II	
21	2	Cơ sở dữ liệu Databases	TIKT1130	3	III	
22	3	Phát triển các hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems Development	TIKT1113	3	IV	TIHT1102
23	4	Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định Decision Support Systems	TIHT1110	3	V	TIHT1102 TIKT1125
24	5	Quản trị dự án hệ thống thông tin Information Systems Project Management	TIKT1127	3	VI	TIHT1102
25	6	Ứng dụng cơ sở dữ liệu Application of Databases	TIKT1124	3	IV	TIKT1125
26	7	Kỹ nghệ phần mềm Software Engineering	TIHT1104	3	V	
27	8	Tiếng Anh ngành Hệ thống thông tin quản lý English for Management Information Systems	TIHT1106	3	IV	
28	9	Đề án ngành Hệ thống thông tin quản lý Term Project on Management Information Systems	TIHT1118	2	VII	
<b>2.2.2 Các học phần tự chọn</b> <i>SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)</i>				<b>15</b>		
29 - 33	1	Kê toán máy Computer-Based Accounting	TIHT1119	3	IV	KTKE1101
	2	Hệ thống thương mại điện tử Electronic Commerce Systems	TIKT1129	3	VI	TIHT1102 TIKT1106
	3	Phát triển các ứng dụng Web Web Applications Development	TIKT1134	3	VI	CNTT1128 TIKT1106
	4	Hệ thống thông tin quản lý trong Logistics Logistics Management Information Systems	TIHT1117	3	V	
	5	Hệ điều hành Operating System	CNTT1107	3	IV	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết	
	6	Mạng và truyền thông Networks and Data Communication	TIKT1106	3	V	CNTT1142
	7	Lập trình phân tích dữ liệu Data Analysis Programming	CNTT1203	3	V	TIKT1125 CNTT1116
	8	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý Application of Artificial Intelligence in Business and Management	TIHT1123	3	V	
	9	Đầu thầu Procurement	DTKT1133	3	V	
	10	Quản trị tri thức Knowledge Management	TIHT1122	3	V	
	<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b> (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)			<b>18</b>	<b>VI-VII</b>	
<b>34- 39</b>	1	Phát triển các ứng dụng trong quản lý Application Development for Management	TIHT1113	3		TIHT1102 TIKT1124
	2	Lập trình nâng cao Advanced Programming	TIHT1105	3		CNTT1128
	3	Tin học kế toán Accounting Informatics	TIKT1117	3		TIHT1102 KTKE1101
	4	Tri thức kinh doanh Business Intelligence	TIKT1122	3		TIHT1102
	5	Phát triển phần mềm mã nguồn mở và ứng dụng Development of Open Source Software and Applications	TIKT1135	3		CNTT1128
	6	Ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất Unified Modeling Language	TIKT1133	3		TIHT1102
	7	Marketing trực tuyến Marketing Online	TIKT1132	3		TIKT1106
	8	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning (ERP)	TIKT1138	3		
	9	Kiến trúc doanh nghiệp Enterprise Architecture	TIHT1121	3		
	10	Trực quan hóa dữ liệu trong kinh doanh Data Visualization in Business	TIKT1139	3		
<b>40</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b> <i>Graduation Thesis</i>		TIHT1124	<b>10</b>	<b>VIII</b>	
<b>Tổng số tín chỉ</b>				<b>128</b>		

## 8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.



➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**VIỆN TRƯỞNG**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Trung Tuấn**

**PGS.TS. Phạm Hồng Chương**